Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương - TPP: Cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam

Nguyễn Thanh Hải*

Ngày nhận: 20/10/2015
Ngày nhận bản sửa: 14/12/2015
Ngày duyệt đăng: 25/01/2016

Tóm tắt:

Đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương - TPP kết thúc đã mở ra cánh cửa cho doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam bước vào một "sân chơi" thương mại mới nhiều cơ hội nhưng cũng không ít những thách thức. Doanh nghiệp được đa dạng hóa về thương mại, hưởng những ưu đãi về thuế quan cũng như tiếp thu nguồn vốn, công nghệ từ các nước tham gia liên kết... Tuy nhiên, để tồn tại được trong một môi trường đầy rủi ro này, đòi hỏi doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam phải có sức mạnh cạnh tranh vượt trội để không bị đào thải ra khỏi vòng xoáy của TPP. Trong bối cảnh Hiệp định TPP vừa được kí kết, bài viết khái quát những nội dung cơ bản nhất của TPP, tập trung phân tích những tác động của TPP đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam, từ đó đi đến những giải pháp để doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam hội nhập sâu rộng, thành công hơn trong TPP.

Từ khóa: TPP, tác động, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tự do thương mại, hội nhập, Việt Nam.

Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement – TPP: Opportunities and challenges to Vietnam SMEs

Abstract:

The Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement (TPP) will bring both opportunities and challenges to Vietnamese SMEs. Vietnamese SMEs can diversify trade by enjoying tariff preferences as well as by acquiring capital and technology from the member countries. However, to survive in the fierce competition business environment under TPP, Vietnamese SMEs must have competitive advantage. This paper is to outline the key points of TPP and analyze the impact of TPP on Vietnamese SMEs. The paper also provides recommendations for Vietnamese SMEs to succeed in the integration process under TPP.

Keywords: TPP; impact; small and medium enterprises; trade liberalization; integration; Vietnam.

1. Mở đầu

Toàn cầu hóa và hội nhập khu vực đã mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam nhiều cánh cửa mới để bước chân vào một sân chơi kinh tế bình đẳng, nhiều cơ hội nhưng cũng không ít những thách thức. Bắt nhịp với xu thế này, Việt Nam đã gia nhập nhiều tổ chức mang tầm vóc quốc tế và khu vực như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN, Tổ chức thương mại thế giới - WTO, diễn đàn kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương APEC... Cùng với đó là nhiều Hiệp định thương mại được kí kết với các nước thành viên. Gần đây nhất, Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) được ký kết ngày 05/10/2015 đánh dấu một mốc son trong tiến trình hội nhập của Việt Nam, mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam cơ hội lớn để bước vào thị trường thế giới

rộng lớn, được đa dạng hóa thương mại với nhiều nước và hưởng các ưu đãi về thuế quan. Tuy nhiên, cùng với cơ hội là sự cạnh tranh khốc liệt đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam cần có một bản lĩnh vững vàng để có thể tồn tại trong một môi trường nhiều sóng gió này. Đây là một thách thức lớn đối với các Doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Ở Việt Nam, doanh nghiệp vừa và nhỏ là một bộ phận không thể thiếu, đóng góp rất lớn trong tăng trưởng GDP, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Theo số liệu thống kê của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm trên 97% tổng số doanh nghiệp trên cả nước, đóng góp 50% GDP, 33% thu ngân sách nhà nước, tạo 62% việc làm cho người lao động, đóng góp 49% vào việc tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế. Tuy mạnh về số lượng nhưng khối các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam lại yếu về "chất" và bộc lộ không ít những yếu kém trong hoạt động kinh doanh của mình (Hạnh Nguyễn, 2014). Vì thế, đây cũng là thành phần kinh tế chịu sự tác động nhiều nhất của toàn cầu hóa nói chung và Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) nói riêng. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết được lựa chọn thực hiện nhằm đưa ra một bức tranh khái quát nhất về hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam trong bối cảnh hiện tại, đánh giá thời cơ, thách thức cũng như đánh giá những tác động của TPP đến khối các doanh nghiệp này. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất những giải pháp giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam nắm bắt tốt nhất những cơ hội mà TPP mang lại cũng như vượt qua những thách thức đặt ra từ TPP, khẳng định vị thế và vai trò của mình ở trong nước và trên trường quốc tế.

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên hai phương pháp nghiên cứu chính. Phương pháp nghiên cứu sơ cấp tiến hành thu thập dữ liệu từ các nguồn khác nhau, bao gồm: nguồn tài liệu sách báo, nghiên cứu về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế của các học giả trong nước và trên thế giới, báo cáo thống kê cung cấp bởi một số doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam... Trên cơ sở nguồn dữ liệu thu thập được, tác giả tiến hành tổng hợp, phân tích và đi đến xây dựng bảng hỏi phục vụ cho khảo sát, điều tra thực tế. Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 35 doanh nghiệp vừa và nhỏ ở miền Bắc của Việt Nam, một số chuyên gia kinh tế trong nước và một số nhà lãnh đạo làm việc trong công tác hoạch định chính sách. Câu hỏi phỏng vấn xoay quanh vấn đề về Hiệp định TPP, tác động của TPP đến các doanh nghiệp tham gia khảo sát, các chính sách giúp doanh nghiệp nắm bắt cơ hội từ TPP... Phương pháp nghiên cứu thứ cấp tiếp tục được thực hiện sau khi đã có nguồn dữ liệu cần thiết thu được từ tài liệu và khảo sát điều tra thực tế. Dữ liệu được phân thành các hạng mục bao gồm: cơ sở lý thuyết, số liệu thống kê, dữ liệu về thực trạng qua phỏng vấn, dữ liệu thuộc nhóm giải pháp. Từ đó, tác giả xây dựng khung dàn ý, lồng ghép dữ liệu để có nghiên cứu hoàn chỉnh.

2. Nội dung hiệp định TPP

Từ thập kỉ 90 trở lại đây, thuật ngữ về tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế đã được nhắc đến nhiều hơn và trở thành tiêu điểm của các nghiên cứu kinh tế. Lý thuyết về tự do hóa thương mại được nhiều học giả kinh tế trên thế giới phân tích và đánh giá trong các nghiên cứu điển hình của mình. Một cách khái quát, tự do hóa thương mại là một sự liên kết kinh tế, trong đó những rào cản thương mại giữa các quốc gia được xóa bỏ dần để đi đến hợp tác thống nhất, mang lại lợi ích cho các bên (Greenaway & cộng sự, 1998).

Sau một thời gian khởi động, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP chính thức được kí kết vào ngày 04/10/2015 giữa Bộ trưởng của 12 nước tham gia TPP gồm Úc, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Mỹ, và Việt Nam. Đây là kết quả của một tiến trình hợp tác lâu dài và toàn diện giữa các nước thành viên với những tham vọng lớn trên các phương diện như: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp mỗi nước, thúc đẩy quản lý hiệu quả về nguồn lao động cũng như có những cơ chế minh bạch bảo vệ người lao động. Nội dung chính của Hiệp định TPP bao gồm:

Về đặc điểm

Được coi là một trong những Hiệp định thương mại quan trọng của thế kỉ 21 và đặt ra tiêu chuẩn mới cho thương mại toàn cầu, TPP hội tụ đủ 5 đặc điểm sau đây:

- Tiếp cận thị trường toàn diện: Giảm dần và xóa bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhằm tạo dòng lưu chuyển thông thoáng cho luồng hàng hóa, dịch vụ giữa các nước nội khối.

- Cách tiếp cận các cam kết khu vực: TPP hỗ trợ sự phát triển sản xuất trong nước, tăng cường tính hiệu quả của chuỗi cung ứng giữa các nước cũng như cam kết mở cửa thị trường trong nước để tạo điều kiện cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước trong khối liên kết.

- Giải quyết các thách thức thương mại mới. TPP thúc đẩy sự đổi mới, năng suất, và tính cạnh tranh nhờ vào việc xem xét giải quyết các vấn đề mới, trong đó có phát triển kinh tế kỹ thuật số và vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế toàn cầu.

- Thương mại toàn diện: TPP đảm bảo sự phát triển toàn diện của các nước thành viên tham gia vào kí kết hiệp định. Theo đó, các nước đều có thể đạt được lợi ích thương mại thông qua việc giúp các doanh nghiệp nắm bắt cơ hội kinh doanh và buộc các bên tuân thủ cam kết trong Hiệp định.

- Nền tảng hội nhập khu vực. TPP được định hình như một nền tảng cho hội nhập kinh tế khu vực và nhắm đến cả những nền kinh tế khác trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương

Phạm vi áp dụng

TPP bao gồm 30 chương về thương mại và các vấn đề liên quan đến thương mại, từ thương mại hàng hóa đến hải quan và trợ giúp thương mại; biện pháp vệ sinh dịch tễ; rào cản kỹ thuật đối với thương mại; biện pháp phòng vệ thương mại; đầu tư; dịch vụ; thương mại điện tử; mua sắm công; sở hữu trí tuệ; lao động; môi trường; các chương "ngang" nhằm mục đích đảm bảo TPP tận dụng được các tiềm năng về phát triển, năng lực cạnh tranh, và sự toàn diện; giải quyết tranh chấp, các điều khoản ngoại lệ, và điều khoản thi hành.

Ngoài cập nhật các phương pháp truyền thống đối với vấn đề của các hiệp định thương mại tự do trước đây, TPP còn đưa vào các vấn đề thương mại mới và các vấn đề xuyên suốt, bao gồm các vấn đề liên quan đến Internet và nền kinh tế kỹ thuật số, sự tham gia của các doanh nghiệp nhà nước trong đầu tư và thương mại quốc tế, khả năng của các doanh nghiệp nhỏ để tận dụng lợi thế của các hiệp định thương mại, và các chủ đề khác.

TPP kết nối một nhóm gồm nhiều nước đa dạng về mặt địa lý, ngôn ngữ và lịch sử, kích thước và mức độ phát triển. Tất cả các nước ký kết TPP nhận thấy rằng sự đa dạng là một tài sản đặc thù, nhưng cũng đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ, xây dựng năng lực cho các nước TPP kém phát triển hơn, và phát triển năng lực để thực hiện những nghĩa vụ mới trong một số trường hợp trong thời gian chuyển tiếp đặc biệt và có cơ chế cho phép một số Bên thêm thời gian.

3. Thực trạng các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam trong thời gian qua

Doanh nghiệp vừa và nhỏ là một xu thế phát triển khách quan ở một quốc gia đang phát triển về kinh tế như Việt Nam. Trong những năm qua, khối các doanh nghiệp này đóng vai trò quan trọng vào việc tạo ra nguồn thu nhập quốc dân và giải quyết việc làm cho người lao động. Tình hình phát triển của khối các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt từ sau hội nhập được nhìn nhận trên các phương diện sau đây:

Về quy mô

Tính đến hết năm 2014, cả nước có khoảng trên 500 nghìn doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm 97,5% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động. Dự kiến năm 2015, theo số liệu từ Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, con số này tăng lên khoảng 700.000 doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy mô về vốn của khối các doanh nghiệp này còn hạn hẹp. Đây cũng là điểm yếu của loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Số liệu từ Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam cũng cho thấy, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có số vốn khoảng 121 tỷ USD, chiếm 30% tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp.

Về cơ cấu ngành nghề

Doanh nghiệp vừa và nhỏ thường tập trung vào một số ngành có tỷ suất lợi nhuận cao, vốn đầu tư tương đối thấp và khả năng thu hồi nhanh. Thời gian vừa qua, lĩnh vực thương mại, dịch vụ đặc biệt là kinh doanh du lịch, bán lẻ hàng hóa... thu hút số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong cơ cấu ngành nghề của doanh nghiệp vừa và nhỏ, theo Cục xúc tiến thương mại, khoảng 43% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo, 24% trong lĩnh vực thương mại phân phối, số còn lại hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến dịch vụ và nông nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân: Theo số liệu từ Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, đóng góp của doanh nghiệp vừa và nhỏ cho nền kinh tế nước nhà vào năm 2014 là khoảng 40% GDP

cả nước và ước tính khoảng 10% kim ngạch xuất khẩu của năm.

Thu hút lao động

doanh nghiệp vừa và nhỏ là thành phần kinh tế tạo ra nguồn việc làm dồi dào và thu nhập cho người lao động, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Tính đến năm 2014, khối các doanh nghiệp này thu hút khoảng 51% lao động của cả nước. Doanh nghiệp vừa và nhỏ đã là nơi giải quyết việc làm cho người lao động hiệu quả nhất, hạn chế tệ nạn xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, vật chất của mọi tầng lớp dân cư.

Trình độ quản lý doanh nghiệp

Trình độ quản lý doanh nghiệp của các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn yếu. Thực tế là các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam chưa tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế trong quản trị doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ không có chiến lược rõ ràng, mà hoạt động theo kinh nghiệm, quan hệ của chủ doanh nghiệp. Các chiến lược phân phối, chiến lược truyền thông và xúc tiến thương mại của doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng còn nhiều yếu kém: tầm hoạt động và mạng lưới phân phối sản phẩm hẹp; hoạt động xúc tiến thương mại còn giản đơn, sơ lược và không có hiệu quả thiết thực.

Tóm lại, đánh giá tổng quan về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, mặc dù có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập khu vực. Đặc điểm chung của các doanh nghiệp này là quy mô nhỏ về vốn và lao động, trình độ công nghệ còn yếu, dễ bị tổn thương trước những tác động của thị trường. Tuy nhiên, trong thời gian qua, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã khẳng định được bản lĩnh của mình và có đóng góp không nhỏ vào GDP của cả nước. Với vị thế và tiềm năng này, Nhà nước ta luôn coi doanh nghiệp vừa và nhỏ là một thành phần kinh tế không thể thiếu và được tập trung mũi nhọn trong kế hoạch phát triển kinh tế ngắn và dài hạn.

4. Đánh giá cơ hội và thách thức của TPP đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam

Tự do hóa thương mại có ảnh hưởng rõ rệt đến hầu hết các doanh nghiệp các nước một cách tích cực hay tiêu cực, dưới nhiều hình thức khác nhau (Tambunan, 2011). Đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khi khả năng về tài chính và nhân công còn hạn hẹp, dễ bị phá sản trước những biến động của thị trường, sẽ chịu ảnh hưởng rõ rệt hơn từ dòng chu chuyển tự do hóa thương mại. Cụ thể, tự do hóa thương mại còn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua chi phí sản xuất thấp hơn, kết quả từ việc giá nguyên liệu nhập rẻ hơn. Vì thế các doanh nghiệp trong nước sẽ được hưởng lợi từ chi phí đầu vào, cải thiện được năng lực cạnh tranh về giá cả, cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ cạnh tranh hiệu quả hơn trên cả thị trường nhập khẩu và xuất khẩu.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế nói chung cũng như việc kí kết hiệp định TPP nói riêng đã có những tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Có thể phân tích lần lượt những tác động của TPP đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam dưới các góc nhìn sau:

Thứ nhất, mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt là thị trường xuất khẩu nông sản, giầy da và may mặc (Rodrik, 1995; Hà Văn Hội, 2014; Lê Ninh, 2015). Theo nội dung của TPP, các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada sẽ giảm thuế nhập khẩu bằng 0% đối với hàng hóa xuất khẩu của các nước. Việt Nam là một nước nông nghiệp có thế mạnh về sản xuất nông sản với rất nhiều các chủng loại phong phú. Ngành sản xuất giày da, may mặc của Việt Nam cũng khá phát triển nhờ tận dụng được nguồn nguyên liệu và nhân công giá rẻ. Với mức thuế suất giảm hoặc bằng không sẽ là cú huých mạnh cho các doanh nghiệp Việt Nam để nâng cao năng lực cạnh tranh của mặt hàng xuất khẩu.

Thứ hai, hội nhập sâu hơn vào thị trường tài chính thế giới và thu hút đầu tư. Mức độ hội nhập trên thị trường tài chính của Việt Nam còn thấp. Tham gia vào TPP, Việt Nam có cơ hội hội nhập sâu hơn nữa vào thị trường nhiều cơ hội này. Cùng với đó, các luồng vốn đầu tư vào Việt Nam tăng mạnh, tạo điều kiện cho các ngân hàng tăng cường tính thanh khoản, tiếp cận nguồn vốn quốc tế với chi phí thấp. Đặc biệt, dòng vốn đầu tư từ một số nước lớn trong TPP sẽ mang lại lợi ích lan tỏa cho các doanh nghiệp Việt Nam về trình độ công nghệ, năng lực quản lý... doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam có thể tiếp cận nguồn vốn để khai thác lợi thế từ tiềm năng nông nghiệp. TPP mang lại giá trị về tài chính, mở ra cơ hội về đầu tư, hợp tác quốc tế, giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam tham gia sâu hơn vào

chuỗi cung ứng toàn cầu (Phạm Thị Thanh Bình, 2015).

Thứ ba, TPP mang đến những lợi ích từ thị trường trong nước đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với thuế nhập khẩu giảm đến mức tối thiểu, giá nguyên vật liệu nhập khẩu vào thị trường nội địa sẽ rẻ hơn cho các doanh nghiệp sản xuất. Vì thế, chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải bỏ ra sẽ được giảm thiểu, tỷ lệ nghịch với đó là chi phí cơ hội tăng cao. Doanh nghiệp trong nước có thể nâng cao năng lực cạnh tranh về giá cả, đồng thời người tiêu dùng trong nước cũng có cơ hội được sử dụng hàng hóa với chất lượng tốt hơn, nhiều sự lựa chọn, giá thành cạnh tranh. Đặc biệt, thỏa thuận TPP sẽ giảm đáng kể về thuế nhập khẩu cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam (Phạm Thị Thanh Bình, 2015; Lê Ninh, 2015).

Thứ tư, tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng phát triển và hội nhập (Phạm Thị Thanh Bình, 2015; Lê Ninh, 2015). Tham gia vào TPP, các doanh nghiệp nhà nước sẽ không còn cơ hội để được hưởng ưu đãi về vốn và quyền được bảo hộ. Điều này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tư nhân phát triển bình đẳng, đồng thời là động lực để các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cải tổ, nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, nếu không sẽ bị loại ra khỏi sân chơi kinh tế đầy thách thức này. Việc tham gia TPP sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp vừa và nhỏ tự do giao thương, thực hiện các giao dịch thương mại đơn giản hơn, giảm sự tham gia của Nhà nước trong nền kinh tế, vì thế góp phần minh bạch hóa sự quản lý của Nhà nước. Đây là điều kiện tiên quyết để nền kinh tế của Việt Nam cải cách thành công, hội nhập sâu rộng hơn nữa vào thị trường khu vực và thế giới.

Thứ năm, TPP là thách thức không nhỏ với các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (Falvey & Kim, 1992; Phạm Thị Thanh Bình, 2015; Lê Ninh, 2015). Việc xóa bỏ hàng rào thương mại sẽ vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là khối các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc giảm thuế quan chắc chắn sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng trong luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam với giá cả cạnh tranh. Hệ quả tất yếu là doanh nghiệp đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt, thị phần hàng hóa của Việt Nam sẽ bị thu hẹp, thậm chí xảy ra nguy cơ mất thị phần nội địa. Nguy cơ này đặc biệt nguy hiểm đối với nhóm hàng nông sản, là nhóm gắn liền với đối tượng dễ bị tổn thương trong hội nhập là nông dân. Ngoài ra, điều này cũng dẫn đến việc doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh với nhau gay gắt. Doanh nghiệp nào yếu kém sẽ bị đào thải khỏi thị trường. Hơn nữa, yêu cầu về mặt thực thi các điều kiện về môi trường, lao động, sở hữu trí tuệ, các ràng buộc liên quan đến rào cản kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ như trong nội dung TPP sẽ là một khó khăn tạo thêm chi phí phát sinh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và xuất khẩu của doanh nghiệp.

Như vậy, có thể nói, Hiệp định TPP tác động đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam theo cả hai chiều, tích cực và tiêu cực. Đó cũng là tác động tất yếu của tiến trình hội nhập hóa và toàn cầu hóa diễn ra từ trước đến nay. Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam là phải nắm bắt những cơ hội từ TPP đồng thời vượt qua những thách thức, để nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp mình và không bị đào thải ra khỏi vòng xoáy của tự do hóa thương mại. Đó là vấn đề tất yếu đặt ra mà nghiên cứu đề xuất các giải pháp trong phần viết sau.

5. Giải pháp

Trước những thực trạng trên, vấn đề đặt ra cần được giải đáp là doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam làm gì để tận dụng cơ hội cũng như vượt qua được thách thức? Câu trả lời là những giải pháp phối hợp đồng bộ từ phía doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước để doanh nghiệp Việt Nam có thể nắm bắt tối đa được cơ hội trong TPP và nỗ lực khẳng định vị thế của mình.

Giải pháp từ phía các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam

- Thứ nhất, năng lực cạnh tranh của mỗi Doanh nghiệp là yếu tố quyết định trong "sân chơi TPP". Để tồn tại được, đòi hỏi doanh nghiệp vừa và nhỏ phải nâng cao sức cạnh tranh để có "đủ sức" cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài trên cả thị trường trong nước và nội địa. Để làm được điều này đòi hỏi trước hết doanh nghiệp phải có nhận thức đầy đủ về các nội dung đã cam kết trong Hiệp định, chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan về hiệp định thông qua việc tích cực tham gia hơn nữa vào quá trình tham vấn với Đoàn đàm phán thông qua

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các nhà đàm phán, các học giả... Từ đó, tận dụng những cơ hội mà TPP mang lại, hoạch định lên chiến lược, mục tiêu, chương trình phát triển của đơn vị mình để đáp ứng tốt các yêu cầu khách quan đặt ra trong bối cảnh mới.

- Thứ hai, doanh nghiệp vừa và nhỏ phải tận dụng tối đa các cơ hội về vốn và công nghệ từ các nước trong TPP để phát triển kinh doanh, mở rộng sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm tại thị trường trong nước cũng như xuất khẩu. Doanh nghiệp cũng có thể tăng vốn và quy mô nhờ liên doanh, liên kết với doanh nghiệp khác, qua đó phát triển sản xuất, kinh doanh, cùng khắc phục khó khăn, khai thác tốt nhất năng lực của mình và sức mạnh của sự hợp tác. Thực tế cho thấy, khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ là khả năng về vốn, vì thế giải quyết được bài toán về vốn, doanh nghiệp sẽ nhanh chóng bắt nhịp được với tiến trình hội nhập của TPP. Chủ động nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo cam kết của TPP là những điều kiện tiên quyết cho sự thành công của doanh nghiệp.

- Thứ ba, đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường thông qua các phương tiện hiện đại, các cơ quan quản lý chuyên ngành như thương vụ, các chương trình hỗ trợ của Chính phủ... Nghiên cứu thị trường có thể thực hiện bằng cách cử các đoàn công tác, khảo sát thị trường nước ngoài, tìm hiểu thông tin qua Internet, tham gia các chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại của Chính phủ,

- Thứ tư, nâng cao công tác quản lý và đào tạo trong bối cảnh toàn cầu hóa. Một trong những điểm yếu của doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện nay là thiếu đội ngũ nhân viên được đào tạo để đáp ứng với đòi hỏi trong áp dụng công nghệ mới, yêu cầu về ngoại ngữ, kiến thức kinh doanh quốc tế, khả năng khai thác thông tin trên internet... Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần củng cố, đào tạo, nâng cao trình độ và tay nghề đội ngũ nhân lực, đề ra các mục tiêu và phương thức hướng hoạt động của doanh nghiệp phù hợp với các đòi hỏi của quá trình Hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, các doanh nhân Việt Nam cần trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về luật chơi trong Hiệp định TPP để tham gia cuộc chơi mới với một khuôn khổ pháp lý phức tạp, tinh vi. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam phải dần hình thành thói quen sử dụng tư vấn pháp lý và chuyên gia tư vấn như một cầu nối để thực thi TPP theo pháp luật.

Giải pháp từ phía Chính phủ và các cơ quan hữu quan

- Nhiệm vụ quan trọng của Chính phủ và các cơ quan hữu quan là làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến về nội dung của Hiệp định TPP đến các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn còn mù mờ thông tin về TPP. Hạn chế này sẽ khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, thậm chí thua thiệt về pháp lý khi xảy ra kiện tụng. Vì thế các cơ quan Nhà nước cần hỗ trợ thông tin ngay cho doanh nghiệp, cảnh báo về những thách thức từ TPP. Các kênh hỗ trợ thông tin của Nhà nước phải kể đến đó là: hình thành hệ thống thông tin về kinh tế - tài chính doanh nghiệp trong phạm vi cả nước cũng như hệ thống thông tin của khu vực, của các doanh nghiệp ở nước bạn; Định kỳ tổ chức việc đối thoại giữa các cơ quan chức năng nhà nước với đại diện của các doanh nghiệp về từng chủ đề, về các văn bản pháp quy mới ban hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung; tổ chức các buổi hội thảo, trao đổi thông tin về TPP...

- Hỗ trợ thứ hai phải kể đến của Nhà nước là những hỗ trợ về pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tiến trình hội nhập TPP. Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hiệp định TPP có phạm vi rộng bao gồm nhiều lĩnh vực, kể cả những lĩnh vực phi truyền thống như: lao động, môi trường, chống tham nhũng, cải cách doanh nghiệp nhà nước và mua sắm công có gắn kết với thương mại. Vì thế, khung pháp lý của pháp luật của Việt Nam cần được điều chỉnh cho phù hợp. Những lĩnh vực cần điều chỉnh là thương mại, đầu tư, đấu thầu, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường… Đồng thời mở các lớp đào tạo, tư vấn cho doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp xuất khẩu các quy định về pháp luật, cam kết trong TPP.

- Hỗ trợ về vốn: Điểm yếu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam là hạn chế về tài chính, do đó, Nhà nước cần phải tăng sự hỗ trợ hơn nữa về tài chính cho các doanh nghiệp này. Các hình thức hỗ trợ về vốn bao gồm: thành lập công ty tài chính nhằm giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ mua cổ phần hoặc trái phiếu, thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng để bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của doanh nghiệp, khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn tài

chính, kế toán, kiểm toán liên quan tới tài chính của doanh nghiệp...

6. Kết luận

Với quy mô vừa và nhỏ, nhiều điểm không mạnh so với các tập đoàn, công ty lớn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam đang từng ngày nỗ lực để hòa mình cùng với dòng phát triển của hội nhập nói chung cũng như các đối tác xuyên Thái Bình Dương nói riêng. TPP đã và đang tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam trên cả hai phương diện cơ hội và thách thức. Có những doanh nghiệp phá sản, nhưng cũng không ít những doanh nghiệp thành công và thành lập mới. Một sân chơi kinh tế bình đẳng, năng động và cạnh tranh cũng là một sân chơi khốc liệt đòi hỏi doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam phải "cải tổ" để không bị đào thải khỏi vòng xoáy của hội nhập. Đặc biệt, sự hỗ trợ của Nhà nước và các cơ quan hữu quan là không thể thiếu để doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam có thể nắm bắt tối đa những cơ hội và vượt qua thách thức từ TPP, hội nhập sâu rộng hơn vào thị trường thế giới.❐

Tài liệu tham khảo

Falvey R., & Kim C.D. (1992), 'Timing and sequencing issues in trade liberalisation', *Economic Journal*, 102, 908-24.

Greenaway D., Morgan W., & Wright P. (1998), 'Trade reform, adjustment and growth: what does the evidence tell us?', *The Economics Journal*, No.108 (September), pp. 1547-1561.

Hà Văn Hội (2014), 'Tham gia TPP: Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu gạo Việt Nam', *Tạp chí khóa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, 31(1), p.1-10.

Hạnh Nguyễn (2014), *Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam: Tăng sức mạnh bó đũa*, http://www.vietnamplus.vn/doanh-nghiep-nho-va-vua-viet-nam-tang-suc-manh-bo-dua/260411.vnp

Lê Ninh (2015), *Tác động của các Hiệp định thương mại tới doanh nghiệp Việt Nam*, *NCEIF*, http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/tacdongcuacachiepdinh-nd-17031.html

Phạm Thị Thanh Bình (2015), 'Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam', *Tạp chí Cộng sản*, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2015/34949/Hiep-dinh-Doi-tac-Kinh-te-xuyen-Thai-Binh-Duong-Co-hoi.aspx.

Rodrik D. (1995), 'Trade policy and industrial policy reform', in J. Behrman and T.N. Srinivasan (eds). *Handbook of Development Economics*, Vol 3B (North Holland).

Tambunan Tulus (2011), *The Impacts of Trade Liberalization on Indonesian Small and Medium-sized Enterprises*, International Institute for Sustainable Development.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thanh Hải,** Tiến sỹ*

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Thương mại

- Lĩnh vực nghiên cứu: Quản lý kinh tế và Quản trị kinh doanh

- Một số tạp chí đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Khoa học Thương mại, Tạp chí Thương mại, Tạp chí Tài chính, Tạp chí Quản lý kinh tế.

- Địa chỉ email: Haint@dhtm.edu.vn